**Các tác nhân**

* Người quản trị: Quản lý các thành phần xuất hiện trên ứng dụng và thông tin mua bán của khách hàng như quản lý sản phẩm, quản lý danh mục, quản lý tài khoản, quản lý đơn hàng, quản lý doanh thu.
* Khách hàng: Đăng ký, đăng nhập, xem thông tin sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, quản lý giỏ hàng, đặt hàng, hủy đơn hàng, theo dõi đơn hàng, chỉnh sửa thông tin cá nhân.

**Các usecase của hệ thống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác nhân** | **Các ca sử dụng** |
| Khách hàng | Xem sản phẩm  Đăng ký  Đăng nhập  Quên mật khẩu  Đổi mật khẩu  Cập nhật thông tin  Tìm kiếm sản phẩm  Đặt hàng  Quản lý giỏ hàng  Đánh giá sản phẩm  Theo dõi đơn hàng  Hủy đơn hàng |
| Người quản trị | Các use case của khách hàng  Quản lý danh mục  Quản lý sản phẩm  Quản lý tài khoản  Quản lý doanh thu  Quản lý đơn hàng |



### Mô tả chi tiết các use case

#### Use case Đăng ký

- **Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng tạo tài khoản đăng nhập.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng kích vào nút “Đăng ký” trên màn đăng nhập. Hệ thống sẽ yêu cầu nhập các thông tin(Họ và tên, email, mật khẩu, giới tính) để tạo tài khoản.

2. Khách hàng kích vào nút “Đăng ký”. Hệ thống sẽ lưu thông tin của khách hàng vào bảng USER và chuyển tới màn trang chủ. Use case kết thúc.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản khi khách hàng nhập thông tin không hợp lệ. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. Khách hàng có thể nhập lại để tiếp tục thao tác.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Khách hàng cần nhập đúng định dạng các thông tin yêu cầu để tạo tài khoản.

- **Tiền điều kiện**: Không có.

- **Hậu điều kiện:** Đăng ký thành công sẽ có một bản ghi mới trong bảng USER.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Đăng nhập

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng đăng nhập vào hệ thống.

**- Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng ấn vào nút “Đăng nhập” ở trang thông tin cá nhân khi chưa đăng nhập. Hệ thống sẽ yêu cầu khách hàng nhập email và mật khẩu.

2. Khách hàng nhập đầy đủ thông tin yêu cầu và kích vào nút “Đăng nhập”. Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin nhập so với thông tin trong bảng USER nếu có tài khoản trong bảng USERS sẽ đăng nhập và chuyển hướng tới trang chủ.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thống báo lỗi và use case kết thúc.

2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản khi người dùng nhập thiếu thông tin, thông tin không hợp lệ hoặc nhập sai thông tin không tìm thấy bản ghi trong bảng USER. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. Khách hàng có thể nhập lại để tiếp tục thao tác hoặc kết thúc thao tác.

**- Các yêu cầu đặc biệt:** Khách hàng cần nhập đúng các thông tin yêu cầu để đăng nhập.

**- Tiến điều kiện:** Khách hàng đã có tài khoản.

- **Hậu điều kiện:** Đăng nhập thành công khách hàng được thực hiện các chức năng cần tài khoản để sử dụng.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Cập nhật thông tin

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng cập nhập thông tin cá nhân.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng click vào mục thông tin cá nhân ở tab “Cá Nhân”. Hệ thống sẽ hiển thị thông tin cũ để tiến hành chỉnh sửa.

2. Sau khi người dùng nhập một thông tin mới hệ thống sẽ tự động cập nhật thông tin đó sau khi người dùng ra khỏi vùng nhập vào bảng USER.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản khi người dùng nhập thông tin không hợp lệ. Hệ thống sẽ hiển thị thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. Người dùng có thể nhập lại để tiếp tục thao tác hoặc kết thúc thao tác.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không.

- **Tiền điều kiện:** Khách hàng cần đăng nhập.

- **Hậu điều kiện:** Cập nhật thành công thông tin một bản ghi trong bảng USER.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Xem chi tiết sản phẩm

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng xem chi tiết sản phẩm.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng kích vào một sản phẩm trên ứng dụng. Hệ thống sẽ lấy thông tin sản phẩm (hình ảnh, tên sản phẩm, giá sản phẩm) từ bảng PRODUCT và hiển thị lên màn hình.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Không có.

- **Hậu điều kiện:**Không có.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Xem danh sách sản phẩm

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng xem tất cả các sách đang được bán trên ứng dụng.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng kích vào nút “Xem tất cả” danh sách đầu tiên. Hệ thống sẽ lấy tất cả sản phẩm bao gồm các thông tin ảnh, tên, giá từ bảng PRODUCT và hiển thị lên màn hình.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Không có.

- **Hậu điều kiện:** Không có.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Tìm kiếm sản phẩm

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng tìm kiếm những sản phẩm đang đăng bán trên hệ thống.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng click vào icon tìm kiếm trên thanh toolbar. Hệ thống sẽ chuyển sang màn tìm kiếm và cho phép người dùng nhập thông tin cần tìm vào ô tìm kiếm. Hệ thống sẽ tìm các sản phẩm có tên hoặc tác giả chứa những từ khách hàng đã nhập và hiển thị thông tin về sản phẩm(hình ảnh, tên sản phẩm, giá sản phẩm) và hiển thị lên màn hình.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Không có.

- **Hậu điều kiện:** Không có.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Theo dõi đơn hàng

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng theo dõi đơn hàng.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu sau khi khách hàng kích nút “Đơn hàng của tôi” trên menu tài khoản. Hệ thống sẽ lấy thông tin gồm: mã đơn hàng, ngày đặt hàng, trạng thái đơn hàng trong bảng ORDER, cùng với thông tin gồm: tên sản phẩm, giá sản phẩm trong bảng ORDERDETAILS và hiển thị lên màn hình.

2. Xem chi tiết đơn hàng

a. Khách hàng kích vào mã đơn hàng. Hệ thống sẽ lấy thông tin gồm Hệ thống sẽ lấy thông tin gồm: mã đơn hàng, tên người đặt, số điện thoại, ngày đặt hàng, ghi chú, địa chỉ giao hàng, trạng thái đơn hàng trong bảng ORDER, cùng với thông tin gồm: tên sản phẩm, giá sản phẩm trong bảng ORDERDETAILS và hiển thị lên màn hình

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Khách hàng cần đăng nhập.

- **Hậu điều kiện:** Không có.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Hủy đơn hàng

**- Mô tả vắn tắt:** Use case cho phép hủy đơn hàng.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng kích nút “Hủy đơn hàng” trong màn chi tiết đơn hàng. Hệ thống sẽ cập nhật trạng thái đơn hàng trong bảng ORDER và hiển thị lại chi tiết đơn hàng lên màn hình với trạng thái đã được cập nhật.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Khách hàng đã đăng nhập.

- **Hậu điều kiện:** Không có.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Đánh giá sản phẩm

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng đánh giá sản phẩm đang được giao bán trên ứng dụng.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích nút “Đánh giá” trong màn chi tiết sản phẩm. Hệ thống lấy thông tin như số sao đánh giá, bình luận, người đánh giá và sản phẩm được đánh giá thêm vào bảng PRODUCTRATINGS.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Không có.

- **Hậu điều kiện:** Đánh giá thành công sẽ có một bản ghi mới trong bảng PRODUCTRATINGS.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Quản lý giỏ hàng

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng thêm, sửa, số lượng sản phẩm và xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào biểu tượng giỏ hàng trên bottom menu. Hệ thống sẽ lấy thông tin các sản phẩm có trong giỏ hàng và hiển thị lên màn hình .

2. Thêm hàng vào giỏ

a. Khách hàng kích vào nút “Thêm vào giỏ hàng” ở màn chi tiết đơn hàng

3. Sửa số lượng

a. Khách hàng kích vào icon dấu cộng(trừ) để tăng(giảm) số lượng sản phẩm. Hệ thống sẽ cập nhật số lượng của sản phẩm đó vào giỏ hàng.

4. Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng

a. Khách hàng kích biểu tượng xóa của sản phẩm trong giỏ hàng cần xóa. Hệ thống sẽ xóa sản phẩm đó khỏi giỏ hàng.

Sau mỗi thao tác hệ thống sẽ cập nhật các bản ghi ở bảng ORDERDETAILS

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không thao tác được với giỏ hàng sẽ hiện thông báo lỗi.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Không có.

- **Hậu điều kiện:** Khi thao tác thành công sẽ cập nhật 1 bản ghi ở bảng ORDERDETAILS.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Đặt hàng

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép khách hàng đặt hàng sau khi đã thêm các sản phẩm vào giỏ hàng.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người dùng kích vào nút “Đặt hàng”. Hệ thống sẽ thực hiện tạo mới đơn hàng vào bảng ORDER và thêm thông tin bao gồm: Id đơn hàng, Id sản phẩm, số lượng mua vào bảng ORDERDETAILS đặt hàng thành công lên màn hình.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:**

Khách hàng cần đăng nhập.

Khách hàng cẩn cung cấp các thông tin cần thiết trước khi đặt hàng.

- **Hậu điều kiện:**

Nếu đặt hàng thành công, thông tin sẽ được cập nhật vào bảng ORDER, ORDERDETAILS trong cơ sở dữ liệu.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Quản lý sản phẩm

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép người dùng là người quản trị thêm, sửa, xóa sản phẩm.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý sản phẩm” trên menu quản trị. Hệ thống sẽ lấy thông tin sản phẩm gồm: Hình ảnh, tên sản phẩm, danh mục, giá, số lượng tồn, trạng thái, ngày tạo, ngày sửa từ bảng PRODUCT và hiển thị danh sách lên màn hình..

2. Thêm sản phẩm

a. Người quản trị kích vào icon dấu cộng trên màn hình quản lý sản phẩm.

Hệ thống sẽ hiển thị các thông tin cần nhập để thêm như ảnh, tên sản phẩm, số lượng, danh mục,..

b. Người quản trị nhập thông tin rồi kích nút “Thêm mới”. Hệ thông sẽ tạo một bản ghi mới trong bảng PRODUCT và hiển thị lại danh sách.

3. Sửa sản phẩm

a. Người quản trị kích chọn một sản phẩm muốn sửa trong danh sách. Hệ thống sẽ hiển thị nội dung cũ của sản phẩm trong bảng PRODUCT lên màn hình.

b. Người quản trị nhập nội dung cần chỉnh sửa rồi ấn nút “Cập nhật sản phẩm”. Hệ thống sẽ cập nhật mới những thay đổi của sản phẩm trong bảng PRODUCT và hiển thị lại danh sách.

4. Xóa sản phẩm

a. Người quản trị kích vào biểu tượng xóa hoặc tích chọn những sản phẩm cần xóa trên màn hình. Hệ thống sẽ xóa bản ghi đã chọn trong bảng PRODUCT và hiển thị lại danh sách.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Khách hàng cần đăng nhập.

- **Hậu điều kiện:** Không có

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Quản lý danh mục

- **Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép người dùng là người quản trị thêm, sửa, xóa danh mục.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Danh mục” trên menu quản trị. Hệ thống sẽ lấy thông tin danh mục gồm: Tên danh mục, thứ tự hiển thị, trạng thái, ngày tạo, ngày sửa từ bảng CATEGORY và hiển thị danh sách lên màn hình..

2. Thêm danh mục

a. Người quản trị kích vào icon dấu cộng trên màn hình quản lý danh mục.

Hệ thống sẽ hiển thị các thông tin cần nhập để thêm như tên danh mục, alias, danh mục cha, thứ tự hiển thị.

b. Người quản trị nhập thông tin rồi kích nút “Thêm mới”. Hệ thông sẽ tạo một bản ghi mới trong bảng CATEGORY và hiển thị lại danh sách.

3. Sửa danh mục

a. Người quản trị chọn một danh mục bất kì muốn sửa. Hệ thống sẽ hiển thị nội dung cũ trong bảng CATEGORY lên màn hình.

b. Người quản trị nhập nội dung cần chỉnh sửa rồi ấn nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ cập nhật mới những thay đổi của danh mục ở trong bảng CATEGORY và hiển thị lại danh sách

4. Xóa danh mục

a. Người quản trị kích vào biểu tượng xóa ở danh mục cần xóa trên màn hình. Hệ thống sẽ xóa bản ghi đã chọn trong bảng CATEGORY và hiển thị lại danh sách.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản khi người dùng nhập thông tin không chính xác. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. Người dùng có thể nhập lại để tiếp tục thao tác.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Người dùng cần nhập tài khoản và mật khẩu đúng để đăng nhập thành công.

- **Tiền điều kiện**: Không có.

- **Hậu điều kiện:** Đăng nhập thành công người dùng được thực hiện các chức năng tương ứng với quyền hạn của tài khoản đăng nhập.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Quản lý tài khoản

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép người dùng là quản trị xem, sửa trạng thái tài khoản.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý tài khoản” trên menu quản trị. Hệ thống sẽ lấy thông tin tài khoản gồm: Tên tài khoản, ảnh đại diện, họ và tên, trạng thái, ngày tạo từ bảng USER và hiển thị danh sách lên màn hình.

2. Xem thông tin tài khoản

a. Người quản trị kích vào một tài khoản bất kỳ trên màn hình quản lý tài khoản. Hệ thống sẽ hiển thị các thông tin như họ và tên, tên tài khoản, mật khẩu, ảnh đại diện, email, số điện thoại.

3. Chỉnh sửa trạng thái tài khoản

a. Người quản trị kích icon trên tài khoản. Hệ thống sẽ hiển thị dialog xác nhận có khóa hay cho tài khoản tiếp tục hoạt động hay không.

b. Người quản trị bấm nút đồng ý sẽ cập nhật lại trạng thái của tài khoản đó vào bảng USERS, bấm hủy bỏ sẽ không tháo tác gì.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Người quản trị cần đăng nhập.

- **Hậu điều kiện:** Cập nhật thành công thông tin của một bản ghi trong bảng USER.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Quản lý đơn hàng

**- Mô tả vắn tắt:** Use case cho phép người dùng là quản trị xem, sửa, các đơn hàng.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích nút “Quản lý đơn hàng” trên thanh menu quản trị. Hệ thống sẽ lấy thông tin đơn hàng gồm: Mã đơn hàng, trạng thái, thời gian và hiển thị danh sách đơn hàng lên màn hình.

2. Xem chi tiết đơn hàng

a. Người quản trị kích vào một đơn hàng trên màn hình quản lý đơn hàng.

Hệ thống sẽ láy thông tin chi tiết đơn hàng ở bảng ORDERDETAILS và bảng PRODUCT để hiển thị một số thông tin chi tiết như thông tin người đặt: tên, địa chỉ, số điện thoại, thông tin các sản phẩm có trong đơn hàng: ảnh, tên số điện thoại, giá tiền, số lượng.

3. Sửa trạng thái đơn hàng

a. Người quản trị kích vào trạng thái của đơn hàng.Hệ thống sẽ hiển thị một popup cho phép chọn các trạng thái khác nhau.

b. Người quản trị chọn một trạng thái bất ký hệ thống sẽ cập nhật trạng thái cho đơn hàng được chọn.

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Người dùng cần đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Hậu điều kiện:** Cập nhật thành công một bản ghi trong bảng ORDER.

- **Điểm mở rộng:** Không có.

#### Use case Quản lý doanh thu

**- Mô tả vắn tắt:** Use case này cho phép người quản trị xem thống kê.

- **Luồng sự kiện:**

**+ Luồng cơ bản:**

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý doanh thu” trên menu quản trị. Hệ thống sẽ lấy thông tin của bảng ORDER tính toán và hiển thị doanh thu theo ngày trong từng tháng, hiển thị lên màn hình.

2. Người quản trị kích vào icon < và > để xem thống kê của tháng trước hoặc tháng sau đó. Hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin của biểu đồ theo tháng đã chọn

Use case kết thúc.

**+ Luồng rẽ nhánh:**

1. Tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

- **Các yêu cầu đặc biệt:** Không có.

- **Tiền điều kiện:** Người dùng cần đăng nhập vào hệ thống quản lý.

- **Hậu điều kiện:** Không có.

- **Điểm mở rộng:** Không có.